

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường
của trang trại chăn nuôi heo thịt hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi
của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Cải tạo, nâng cấp bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của trang trại chăn nuôi heo thịt hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 22/11/2019;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Cải tạo, nâng cấp bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của trang trại chăn nuôi heo thịt hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/CV ngày 17/02/2020 của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 231/TTr-STNMT ngày 31/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Cải tạo, nâng cấp bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của trang trại chăn nuôi heo thịt hộ kinh

doanh Nguyễn Văn Thi tại thôn Thuận Phong, xã Cát Lâm, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Cát Lâm theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các quy định tại Điều 1 Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Lâm;
- CVP UBND tỉnh
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của trang trại
chăn nuôi heo thịt hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của trang trại chăn nuôi heo thịt hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi.

1.2. Chủ đầu tư: Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thi.

1.3. Địa điểm: thôn Thuận Phong, xã Cát Lâm, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất dự án: tổng diện tích dự án 159.733,9 m², quy mô chăn nuôi heo 2.500 heo thịt/lứa (2 lứa/năm).

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Các hạng mục công trình hiện hữu: gồm 5 dãy chuồng hờ; nhà chứa phân, hố hủy xác heo, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm.

- Các hạng mục công trình cải tạo, nâng cấp: khu khử trùng xe, nhà vệ sinh; lắp đặt đường ống dẫn thoát nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận (suối Bà Lễ).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công: đã hoàn thành.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi; Bụi, khí thải từ quá trình giao thông; chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,4 m³/ngày, nước thải chăn nuôi phát sinh khoảng 55,6 m³/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, chất rắn lơ lửng và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; khí thải phát sinh từ hầm biogas.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của CTR công nghiệp thông thường

- Giai đoạn hoạt động: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày, CTR sản xuất gồm: phân heo phát sinh khoảng 6.880 kg/ngày; bao bì đựng cám khoảng 12kg/ngày, heo chết không do dịch bệnh; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 4.420 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: chất thải rắn có hàm lượng chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của CTNH:

- Giai đoạn hoạt động: gồm bóng đèn huỳnh quang thải, hóa chất thải, bao bì chứa thành phần nguy hại, kim tiêm, bao bì đựng thuốc, vacxin,... phát sinh với khối lượng khoảng 122 kg/năm; heo chết do dịch bệnh.

- Tính chất của CTNH là chứa các yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý (HTXL) tập trung công suất 70m³/ngày đêm.

b. Nước thải chăn nuôi:

- Đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải (tách riêng hệ thống thoát nước mưa) và hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý, xả thải ra suối Bà Lễ nằm phía Nam dự án qua đường ống cố định bằng ống nhựa uPVC Ø110 có chiều dài 320m. Vị trí xả thải có tọa độ: 1555100; 579403.

- Sơ đồ công nghệ xử lý của HTXL nước thải tập trung:

Nước thải → Hồ ga → Bể thu gom phân → Bể biogas → hồ lắng → Hồ điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng1 → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Bể lọc cát → Hồ ga lấy mẫu sau xử lý → Suối Bà Lễ (đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT, hệ số k_f=1,2, k_q=0,9).

- Quy trình vận hành: nước thải phát sinh được thu gom và bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục 24/24 giờ.

c. Nước mưa chảy tràn:

Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải (bằng các ống xối loại PVC D90 và mương dẫn bê tông, độ dốc i=0,5%), thoát ra môi trường (suối Bà Lễ).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Vệ sinh đường nội bộ mỗi ngày và tưới nước rửa đường vào cuối mỗi tuần.

- Thường xuyên vệ sinh, thu dọn phân, nạo vét, khơi thông các mương thu gom nước thải tần suất 3 ngày/lần; phun chế phẩm GEM K khử mùi 03 ngày/lần xung quanh hệ thống xử lý nước thải và nhà chứa phân khô 02 ngày/lần.

- Thu hồi khí thải phát sinh từ hầm biogas làm khí sinh học, sau đó dẫn về nhà bếp để sử dụng.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH:

- CTR sinh hoạt: trang bị thùng rác có dung tích 60 lít đặt ở khu nhà chứa phân.

- CTR sản xuất: đã đầu tư 01 máy ép phân khô và kho lưu chứa phân có diện tích 48 m²; hố hủy xác heo có thể tích 32,4 m³.

Phân heo được đưa qua máy ép phân khô để làm phân bón cho cây trồng trong trang trại hoặc bán cho các hộ dân ở địa phương; Heo chết không do dịch bệnh được tiêu hủy tại hố hủy xác heo có thể tích 32,4 m³.

- CTNH: xây dựng khu vực lưu giữ CTNH với diện tích khoảng 4 m².

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTR thông thường và CTNH theo quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo trì và kiểm tra các phương tiện vận chuyển.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị.

- Diện tích cây xanh và vùng đệm cây keo lai giúp hạn chế tiếng ồn từ khu chăn nuôi.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Tuân thủ kế hoạch tiêm phòng dịch bệnh và đảm bảo các yêu cầu của trung tâm phòng dịch bệnh.

- Thường xuyên vệ sinh, khử trùng chuồng trại.

- Ban hành và niêm yết nội quy, quy định an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột... trong từng khu vực.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày đêm.

- Máy ép phân công suất 15 m³/h.

- Hố hủy xác heo có thể tích 32,4 m³.

- Nhà chứa phân diện tích 48 m².

- Cây xanh với tổng diện tích 149.776,8 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm.

Quan trắc công trình xử lý nước thải:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và quan trắc như sau:

+ Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý), với thông số quan trắc là thông số ô nhiễm chính được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn.

+ Thông số quan trắc của công trình xử lý nước thải: pH, BOD₅, COD, Tổng chất thải rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất. Tần suất và thông số quan trắc như sau:

+ Tần suất quan trắc: ít nhất 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, Tổng chất thải rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thương mại.

a) Giám sát chất lượng nước thải.

- Vị trí giám sát: 02 điểm của hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm (01 điểm tại bể thu gom, 01 điểm tại hố ga lấy mẫu sau xử lý).

- Thông số: pH, BOD₅, COD, Tổng chất thải rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột B, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,2$.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình và tần suất thu gom; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải nguy hại) theo quy định.